

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh;
2. Bà Trương Thị Thìn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2021 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 562/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/05/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị V, sinh năm 1982; cư trú tại: khu phố B, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm: 1977; cư trú tại: khu phố B, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/03/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị V trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Trung H kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã và không còn quan tâm đến nhau. Do cuộc sống hôn nhân ngột ngạt nên bà V đã chuyển ra ngoài sống ly thân đã hơn 06 tháng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà V xin ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 02/09/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 03/11/2015. Hiện nay cháu Q đang ở cùng ông H còn cháu A đang ở cùng với bà V. Ly hôn bà V đồng ý giao cháu Q cho ông H nuôi dưỡng và bà V yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà V do bận công việc nên bà đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

**Theo bản tự khai và đơn xin vắng mặt đề ngày 04/05/2021, bị đơn ông Nguyễn Trung H trình bày:**

Ông và bà Phan Thị V kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng ông vẫn sống hạnh phúc nhưng hiện nay bà V đang có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Do đó, bà V có yêu cầu xin ly hôn thì ông đồng ý và cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 02/09/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 03/11/2015. Ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và đồng ý giao cháu A cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H do bận công việc nên ông đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:**

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông H. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cũng như ghi nhận ý kiến của bị đơn, giao cháu Q cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu A cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và xem xét việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1]. Tổ tụng:**

#### **- Về tư cách tổ tụng và quan hệ tranh chấp:**

Bà Phan Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung H và yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà V là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

**- Về thẩm quyền giải quyết:** Ông Nguyễn Trung H cư trú tại phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

**- Về thủ tục tố tụng khác:** Bà Phan Thị V và ông Nguyễn Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị V với ông Nguyễn Trung H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2008 ngày 07/01/2008, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà V xin ly hôn, Tòa án căn cứ luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà V khai sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Sau đó, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Cuộc sống hôn nhân ngọt ngào nên bà đã chuyển ra ngoài sống ly thân đã hơn 06 tháng. Trong bản tự khai, đơn xin vắng mặt ông H cho rằng cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, tuy nhiên hiện nay bà V đang có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên ông không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà V yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2021, Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa xác định không biết tình trạng mâu thuẫn giữa bà V và ông H vì các đương sự không trình báo, không yêu cầu hòa giải. Tuy nhiên, trên cơ sở lời khai của bà V và ông H thì xác định mâu thuẫn giữa ông H và bà V là có thật. Như vậy, hôn nhân giữa bà V và ông H đã rạn nứt không thể hàn gắn được và hiện bà V và ông H đã sống ly thân, các bên cũng

không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà V với ông H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà V và ông H đều xác định có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 02/09/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 03/11/2015. Ly hôn, bà V yêu cầu giao cháu Q cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H có lời khai đồng ý giao cháu A cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà V, giao cháu Q cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu A cho bà V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà V, ông H đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà V, ông H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị V phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị V đối với ông Nguyễn Trung H.

Bà Phan Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 02/09/2010 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Ngọc Lan A, sinh ngày 03/11/2015 cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H và bà V không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp

cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

- Bà Phan Thị V phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Hương đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000452 ngày 17/03/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bà Phan Thị V và ông Nguyễn Trung H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Lê Thị Nguyệt**